



Một số vấn đề về hoạt động



ngân hàng ở Việt Nam

ThS. Đinh Thị Thanh Vân

Trưởng BN Kinh tế - ĐHQGHN

Tóm tắt

Trong bối cảnh gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), ngành tài chính ngân hàng tiếp cận với nhiều cơ hội nhưng bên cạnh đó cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Các ngân hàng trong nước hiện phải tìm cách tăng vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tiềm lực tài chính và khả năng cạnh tranh của mình. Một trong những con đường nhanh chóng để đảm bảo

phát triển và đứng vững trong điều kiện hội nhập là thông qua hoạt động M&A với các ngân hàng khác. Tuy nhiên, khái niệm M&A vẫn còn khá mới mẻ và hoạt động M&A ngân hàng đang còn trong giai đoạn sơ khởi ở Việt Nam. Bài viết giới thiệu tổng quan về hoạt động M&A và đi vào tìm hiểu tình hình hoạt động M&A ngân hàng, rút ra một số đặc điểm hoạt động M&A ngân hàng và đưa ra một số khuyến nghị

nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường M&A ngân hàng tại Việt Nam.

Tổng quan về hoạt động M&A ngân hàng

M&A là chữ viết tắt của cụm từ “mergers and acquisitions”, “mergers” mang ý nghĩa sáp nhập hay hợp nhất, “acquisitions” (hoặc “takeovers”) - có nghĩa là thu tóm. Sáp nhập là thuật ngữ được sử dụng khi hai hoặc nhiều ngân hàng cùng thỏa thuận chia sẻ tài sản, thị phần, thương hiệu với nhau để hình thành một ngân hàng hoàn toàn mới, với tên gọi mới (có thể gộp tên của hai ngân hàng cũ) và chấm dứt sự tồn tại của hai ngân hàng này. Thu tóm là thuật ngữ được sử dụng khi một ngân hàng (gọi là ngân hàng thu tóm) tìm cách nắm giữ quyền kiểm soát đối với ngân hàng khác



(gọi là ngân hàng mục tiêu) thông qua thầu tóm toàn bộ hoặc một tỷ lệ cổ phần hoặc tài sản của ngân hàng mục tiêu.

Dưới sức ép cạnh tranh của môi trường kinh doanh toàn cầu hôm nay, các ngân hàng buộc phải phát triển để tồn tại, và một trong những cách tốt nhất để tồn tại là tiến hành hoạt động M&A vì nó đem lại rất nhiều lợi ích cho ngân hàng tham gia sáp nhập. Thứ nhất, M&A giúp tăng hiệu quả vận hành của ngân hàng, các ngân hàng khi thực hiện hoạt động M&A sẽ có nhiều biện pháp để giảm hoặc hạn chế các bộ phận giống nhau hoặc các chức năng chồng chéo nhau, kém hiệu quả. Việc giảm thiểu vị trí công việc, tinh giảm nhân sự cũng đồng thời với việc đòi hỏi tăng năng suất lao động. Thứ hai, M&A giúp ngân hàng có thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ bổ sung nhằm mục đích đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ của mình. Bằng cách tăng thêm các lựa chọn đối với sản phẩm và dịch vụ mà ngân hàng cung cấp cho các khách hàng hiện tại, các nhà quản trị ngân hàng có thể tạo ra nhiều doanh thu hơn cho ngân hàng của mình. Thứ ba, M&A cũng là một yếu tố quan trọng khi muốn mở rộng địa bàn kinh doanh, mở rộng mạng lưới phân phối. Thay vì việc gây dựng ngân hàng từ đầu với chi phí thành lập, chi phí cơ hội cao do mất thời gian xây dựng hệ thống, triển khai mạng lưới phân phối, có thể thực hiện chiến lược

mua lại một ngân hàng khác với hệ thống, con người sẵn có để đạt được mục tiêu. Đặc biệt, ở những thị trường có sự điều tiết mạnh của chính phủ, việc gia nhập thị trường đòi hỏi ngân hàng phải đáp ứng nhiều điều kiện khắt khe, hoặc chỉ thuận lợi trong một giai đoạn nhất định, thì những ngân hàng đến sau chỉ có thể gia nhập thị trường đó thông qua thầu tóm những ngân hàng đã hoạt động trên thị trường từ trước. Ngoài ra, hoạt động M&A còn giúp ngân hàng tiếp cận và có được một đội ngũ “nhân công có tri thức” cùng với những quy trình, sáng kiến của các ngân hàng khác.

Hoạt động M&A ngân hàng trên thế giới và tại Việt Nam

Ở nhiều quốc gia trên thế giới, làn sóng sáp nhập ngân hàng đã diễn ra mạnh mẽ hơn một thập kỷ nay. Có nhiều động cơ thúc đẩy hoạt động sáp nhập và mua lại như: tối đa hóa tài sản của cổ đông (tăng giá trị cổ phiếu) hay tăng cường lợi ích của các khoản thu nhập sau khi sáp nhập; tối đa hóa lợi ích của nhà quản lý (Merger Market, 2009). Ngoài ra, động cơ giải cứu các ngân hàng sụp đổ thường được các ngân hàng trung ương và các cơ quan pháp luật các nước khuyến khích. Lý do đây là phương pháp để bảo vệ khoản dự trữ bảo hiểm tiền gửi và tránh cho việc phục vụ khách hàng bị gián đoạn khi ngân hàng có nguy cơ phá sản.

Hiện nay, việc sáp nhập, mua lại các ngân hàng là hiện tượng phổ biến ở các nước mà điển hình nhất là hệ thống ngân hàng Mỹ. Làn sóng sáp nhập, mua lại ngân hàng đã tạo nên sự thay đổi diện mạo sâu sắc trong ngành tài chính ngân hàng ở Mỹ. Sau gần 30 năm từ năm 1980 đến năm 2004 số ngân hàng dạng ngân hàng mẹ và ngân hàng cầm cố đã giảm một nửa từ 16.000 ngân hàng còn khoảng 8.000 ngân hàng, tuy số lượng ngân hàng ít đi nhưng tổng tài sản của các ngân hàng tăng nhanh và là các ngân hàng “khỏe mạnh” trong các vụ sáp nhập. Trong ba thập kỷ gần đây các thương vụ sáp nhập, mua lại đã tạo ra những tập đoàn Tài chính ngân hàng khổng lồ trong bối cảnh nền tài chính Mỹ có những giai đoạn thăng trầm với nhiều cuộc khủng hoảng và tăng trưởng tài chính. Năm 2007, tại khu vực châu Mỹ đã thực hiện thành công 11.601 vụ M&A với tổng giá trị lên đến 1.980 tỷ USD, tăng 27,2% so với năm 2006 (T.Q.Trung, 2009). Hiện tại, 10 ngân hàng thương mại lớn nhất nước Mỹ kiểm soát 49% tổng giá trị tài sản của ngành ngân hàng trong nước, so với mức 29% cách đây 10 năm. Từ đầu năm 2009 đến tháng 6 năm 2009, đã có 37 ngân hàng buộc phải đóng cửa và phải bán tài sản của mình so với 25 ngân hàng bị đóng cửa trong năm 2008. Tính đến hết quý 1 năm 2009, FDIC đã đưa trên 300 ngân hàng Hoa Kỳ vào diện “có

vấn đề” so với 252 ngân hàng vào quý 4 năm 2008 – cao hơn 21% so với cùng kỳ năm 2008 và cao nhất trong 15 năm. Trong năm 2009, vụ sụp đổ lớn nhất là ngân hàng Bank United vào ngày 21 tháng 5 được giải quyết theo hình thức bán cho các nhà đầu tư tư nhân và vẫn hoạt động với tên gọi cũ (N.M.Ngọc, 2009).

Hoạt động M&A đã hiện diện trong nền kinh tế thị trường ở Châu Âu từ rất sớm và nhanh chóng lan sang ngành tài chính ngân hàng trong thời gian gần đây với quy mô ngày càng lớn, hình thành nên những tập đoàn tài chính ngân hàng khổng lồ. Trong top 70 tập đoàn kinh tế lớn nhất toàn cầu do tạp chí Forbes bình chọn có tới 21 tập đoàn tài chính ngân hàng ở Châu Âu chiếm 30%, điều này cho thấy các tập đoàn tài chính ngân hàng ở Châu Âu khá nhiều và không ngừng phát triển như là một đối trọng với tập đoàn tài chính ngân hàng tại Mỹ. Năm 2007, tại khu vực châu Âu đã thực hiện thành công 9.936 vụ M&A với tổng giá trị lên đến 1.301 tỷ USD, tăng 18,5% so với năm 2006 (T.A.Phương, 2008).

Theo số liệu của Công ty Avalue, làn sóng sáp nhập và mua lại trong lĩnh vực tài chính tại khu vực Châu Á bắt đầu mạnh sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 bắt nguồn từ Thái Lan. Sau cuộc khủng hoảng này các ngân hàng thúc đẩy việc sáp nhập và mua lại để nhanh chóng tăng doanh thu và lợi nhuận, đồng thời

cắt giảm chi phí để phục hồi nhanh nền kinh tế sau khủng hoảng. Năm 2007, tại khu vực châu Á đã thực hiện thành công 6.821 vụ M&A với tổng giá trị lên đến 466 tỷ USD, tăng 35,4 % so với năm 2006. Hiện nay, tại Trung Quốc, các ngân hàng đang thoát khỏi sự kiểm soát của nhà nước bằng cách bán cổ phần cho người nước ngoài và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Trong khi đó, năm 2009, 3 siêu ngân hàng mới ở Nhật Bản đã mua lại 11 ngân hàng cũ và hiện đang sắp xếp lại hoạt động của các ngân hàng này (2009).

Tại các quốc gia đang phát triển hoặc chuyển đổi, hệ thống ngân hàng hầu như còn rất non trẻ, nên qui mô không lớn, kinh nghiệm kinh doanh chưa nhiều, sản phẩm còn nghèo nàn, luật lệ kinh doanh chưa rõ ràng, đầy đủ nên lý do dẫn đến việc sáp nhập các ngân hàng ở các nước chủ yếu là do chính phủ muốn sắp xếp, củng cố hệ thống ngân hàng nhằm tăng cường qui mô vốn, an toàn trong kinh doanh ngân hàng như các nước Nga, Bungari, các nước Đông Nam Á sau khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997 (DTL Auditing, 2009).

Việt Nam cũng đang tiến hành đồng thời hai cuộc cải cách nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển đó là cải cách các doanh nghiệp nhà nước và cải cách hệ thống ngân hàng với nhiều biện pháp khác nhau. Theo đó, một trong những biện pháp quan

trọng là thực hiện việc M&A đối với các ngân hàng thương mại cổ phần nhằm hình thành những ngân hàng lớn, đủ sức cạnh tranh khi Việt Nam đã gia nhập WTO, đồng thời tránh sự lặp lại của cuộc đổ vỡ tín dụng vào những năm 1989-1990. Theo số liệu của NHNN đến nay, Việt Nam có 89 ngân hàng, trong đó có 3 NHTM Nhà nước, 40 NHTM cổ phần, 41 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 5 ngân hàng liên doanh¹. Số lượng ngân hàng như vậy so với số dân xấp xỉ 90 triệu người thì không phải là nhiều, nhưng quy mô của các ngân hàng thì lại quá nhỏ bé. Tính đến tháng 3 năm 2009, chỉ có khoảng 8 NHTM Cổ phần có mức vốn trên 3.000 tỷ VND, số còn lại dưới 3.000 tỷ VND, có một số ngân hàng chỉ đạt được mức 1.000 tỷ VND (N.T.Phong, 2009). Năng lực tài chính hạn chế đã khiến các ngân hàng nội địa, đặc biệt là các NHTM cổ phần quy mô nhỏ gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh vì quy mô hoạt động ngân hàng ngày càng gia tăng cùng với các khoản cho vay lớn chỉ có những ngân hàng có vốn chủ sở hữu lớn mới có thể đáp ứng yêu cầu. Quy mô nhỏ đang khiến một số ngân hàng Việt Nam phải đương đầu với nhiều rủi ro, khó tạo ra và duy trì niềm tin của công chúng... Đó là chưa kể bản thân ngân hàng gặp khó khăn trong việc nâng cao trình độ công nghệ (kể

¹ Website: www.sbv.org.vn

cả công nghệ quản trị tiên tiến), cạnh tranh dịch vụ ngân hàng hiện đại, thu hút nhân lực giỏi... Vì vậy, xu hướng mua lại và sáp nhập ngân hàng là quy luật thị trường không tránh khỏi tại Việt Nam.

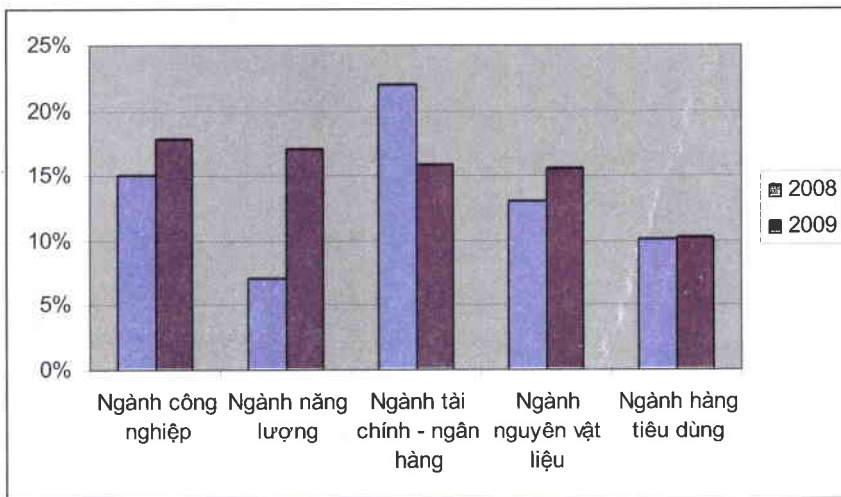
Theo thống kê của Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), cho đến hết năm 2007, hoạt động M&A vẫn chủ yếu diễn ra trong các lĩnh vực tài chính là chủ yếu. Bên cạnh lĩnh vực tài chính, một số ngành khác như truyền thông, công nghệ thông tin và sinh học, hoạt động M&A cũng diễn ra sôi nổi qua các năm. Tuy số thương vụ ít hơn so với lĩnh vực công nghệ thông tin nhưng tài chính vẫn là ngành chiếm giá trị hoạt động M&A cao (2009). Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán, xu hướng cổ phần hóa, tư nhân hóa đang trở nên phổ biến hơn ở nhiều nước, tạo nguồn hàng dồi dào cho các nhà đầu tư đang có

nhập đầu tiên của hệ thống ngân hàng Việt Nam bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực năm 1997. Cuộc khủng hoảng này buộc nhiều ngân hàng đứng trước nguy cơ phá sản do những khoản cho vay trả góp, cho vay kinh doanh bất động sản, đánh bất cá xa bờ không thu hồi được vốn, cộng với các vụ án chiếm đoạt vốn ngân hàng như vụ Epc-Minh Phụng, Tamexco, Trần Xuân Hoa,... làm cho hệ thống ngân hàng càng thêm suy yếu, đặc biệt NHTM cổ phần nông thôn có nguy cơ mất vốn do hoạt động kinh doanh chủ yếu là cho vay, mà cho vay sản xuất nông nghiệp lại chiếm 70-80%, nhiều trường hợp cho vay vùng sâu, vùng xa kém hiệu quả do mất mùa, lũ lụt... Trước tình hình đó ngày 14/08/2000, Thống đốc NHNN ra quyết định số 20/2000/QĐ-NHNN phê duyệt phương án chấn chỉnh, sắp xếp lại các tổ

nào rơi vào tình trạng kiểm soát đặc biệt thì có thể lựa chọn phương án sáp nhập sáp nhập hay bị mua lại bởi một tổ chức tín dụng khác. Một số vụ sáp nhập diễn ra theo chiều hướng này có thể kể ra như giữa NHTM cổ phần Phương Nam với NHTM cổ phần Đồng Tháp năm 1997, NHTM cổ phần Đông Á (EAB) mua lại NHTM cổ phần Nông Thôn Tứ Giác Long Xuyên (An Giang) năm 2001, và NHTM cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) sáp nhập với NHTM cổ phần Thạnh Thắng (Cần Thơ) năm 2002 (T.A.Phương, 2008).

Hoạt động M&A ngân hàng giai đoạn 1997 đến 2004 diễn ra rất ít và mang tính bắt buộc nhiều hơn tự nguyện, cho đến khi luật đầu tư nước ngoài năm 2005, luật doanh nghiệp 2005, luật chứng khoán 2006 có hiệu lực, hoạt động M&A mới diễn ra sôi nổi hơn (T.Q.Trung, 2009). Đặc biệt, xu hướng sáp nhập, mua lại trong ngành tài chính ngân hàng luôn chiếm tỷ lệ cao. Đa số các ngân hàng đều mong muốn hình thành các tập đoàn tài chính ngân hàng đa ngành, đa nghề (đầu tư theo chiều rộng) hay đầu tư chéo dưới hình thức cổ đông chiến lược nhằm mục đích các bên cùng có lợi, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh của ngân hàng. Chính điều này làm cho hoạt động M&A diễn ra nhanh và thuận lợi hơn. Các vụ sáp nhập, mua lại giai đoạn từ năm 2005 đến nay đã có trường hợp ngân hàng Việt Nam

Biểu 1: Thống kê M&A theo ngành tại Việt Nam



Nguồn: Công ty PriceWaterhouseCoopers

tiền nhân rồi (Xem Biểu 1).

Điểm lại lịch sử các cuộc sáp

chức tín dụng cổ phần và chủ trương của nhà nước là các NHTM

bán cổ phần cho các tập đoàn tài chính ngân hàng nước ngoài hoặc sáp nhập, mua lại các ngân hàng trong nước, nhưng chưa có trường hợp ngân hàng Việt Nam mua lại ngân hàng nước ngoài. M&A

tính khi Việt Nam thực hiện các cam kết mở cửa trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Khác với những năm đỉnh cao, năm 2009, theo nghiên cứu của công ty Price Waterhouse

vụ mua - bán lớn giữa DaiA Bank và Tập đoàn Tín Nghĩa tại tỉnh Đồng Nai cũng gây chú ý khi Tập đoàn Tín Nghĩa trở thành cổ đông lớn nhất, nắm giữ 49% vốn của DaiA Bank, thay vì tỷ lệ 11% trước đó. Một thương vụ khá thú vị liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng. Đó là vào tháng 7/2009, BIDV cho biết đã hoàn tất việc thành lập Công ty Cổ phần IDCC 100% vốn Việt Nam với vốn điều lệ 100 triệu USD, do BIDV và Công ty Phương Nam góp vốn. IDCC đã ký hợp đồng chuyển nhượng, chính thức mua lại Ngân hàng Đầu tư Thịnh Vượng PIB (một ngân hàng tư nhân của Campuchia), cơ cấu và đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC). Theo kế hoạch, đến năm 2012, BIDC sẽ có tổng tài sản 303 triệu USD, tổng nguồn vốn huy động 216 triệu USD, cho vay đạt 210 triệu USD. Ngoài ra, CTCP Bảo hiểm Campuchia Việt Nam (CVI), trong đó IDCC nắm

Bảng 1: Một số thương vụ M&A điển hình

| Tên NH bán | Tên NH mua | Tỷ lệ sở hữu | Thời gian |
|---------------|--|--------------|-----------------|
| Techcombank | HSBC (Anh) | 20% | 12/2005- 7/2007 |
| Eximbank | Sumitomo Mitsui Banking Corporation (Nhật) | 15% | 6/2007 |
| Habubank | Deutsche Bank AG (Đức) | 10% | 6/2007 |
| Military Bank | Vietcombank | 10% | 10/2007 |
| Phương Đông | BNP | 10% | 2/2008 |
| An Bình | Maybank (Malaysia) | 15% | 3/2008 |
| VP Bank | OCBC (Singapore) | 15% | 5/2008 |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ thông cáo của các ngân hàng

chính là con đường ngắn nhất để xâm nhập thị trường của các ngân hàng nước ngoài.

Những vụ M&A dưới các hình thức mua bán cổ phần để trở thành đối tác chiến lược (Bảng 1) thực sự không đơn giản chỉ là hợp tác vì các tập đoàn tài chính ngân hàng nước ngoài trước mắt là hợp tác chiến lược mua cổ phần của các ngân hàng nội địa (do bị hạn chế về tỷ lệ sở hữu) nhưng về lâu dài có thể “nuốt chửng” ngân hàng Việt Nam khi Việt Nam mở cửa hoàn toàn lĩnh vực tài chính trong các cam kết khi gia nhập WTO, lúc đó các ngân hàng nội và ngoại đều cạnh tranh bình đẳng, không khống chế tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Do đó các ngân hàng Việt Nam phải nhanh chóng thông qua sáp nhập, mua lại để tăng cường tiềm lực thành lập tập đoàn tài chính ngân hàng tránh tình trạng bị các tập đoàn tài chính ngân hàng nước ngoài thôn

Cooper, chỉ có hai thương vụ đáng lưu ý mà ngân hàng nước ngoài trở thành đối tác chiến lược của ngân hàng trong nước. Các thương vụ này cũng chỉ là để tăng tỷ lệ sở hữu lên 15 – 20%. Đó là BNP Paribas (BNP) nâng tỷ lệ cổ phần tại OCB lên 15%, và MayBank tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng An Bình lên 20%. Thương vụ đáng chú ý nhất trong nước đó là Oceanbank đã chọn Petrovietnam (PVN) làm cổ đông chiến lược từ đầu năm 2009, với tỷ lệ cổ phần PVN nắm giữ tại Oceanbank là 20%. Vốn điều lệ của ngân hàng này đạt 2.000 tỷ đồng sau khi có sự tham gia góp vốn của PVN. Trong các thương vụ nhỏ khác, Maritime Bank và các thành viên là cổ đông lớn của ngân hàng đã mua lại 45% cổ phần của MXBank. Trong đó, riêng Maritime Bank nắm 4,99% cổ phần của MXBank. Trước đó, vào đầu quý III năm 2009, thương





giữ 90% vốn cũng đã được phía Campuchia cấp phép thành lập (PWC, 2010).

Một số đặc điểm và tồn tại của thị trường M&A ngân hàng Việt Nam

Hoạt động M&A tại thị trường Việt Nam diễn ra phổ biến trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chứng khoán. Cùng với lộ trình hội nhập và theo cam kết về mở cửa thị trường tài chính khi Việt Nam gia nhập WTO, những hoạt động M&A diễn ra với xu hướng phổ biến trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt trong ngành ngân hàng, chứng khoán là một điều tất yếu. Thị trường M&A trong lĩnh vực ngân hàng có một số đặc điểm chính như sau:

- Đa số các thương vụ M&A trong lĩnh vực ngân hàng có giá trị chiếm tỷ trọng lớn đều có sự tham gia của ít nhất một bên là doanh nghiệp nước ngoài. Có thể kể ra trường hợp doanh nghiệp nước ngoài mua lại toàn bộ cổ phần hoặc cổ phiếu chiến lược của doanh nghiệp trong nước như: ANZ đầu tư vào Ngân hàng Sacombank và

Công ty chứng khoán SSI; HSBC mua cổ phần Techcombank. Tuy nhiên, cũng có một vài thương vụ M&A giữa doanh nghiệp trong nước như Ngân hàng ACB mua Ngân hàng Đại Á.

- Hình thức hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam mang tính “thân thiện” và mang tính chất liên kết kinh doanh nhiều hơn. Theo Thông tư 04/NHNN-2010, hoạt động hợp nhất, sáp nhập diễn ra khi hoạt động của các tổ chức tham gia sáp nhập, hợp nhất chấm dứt để tạo thành pháp nhân mới hoàn toàn, hoạt động mua lại chỉ diễn ra khi tổ chức bị mua lại trở thành đơn vị trực thuộc của tổ chức mua lại. Các hoạt động mua bán cổ phần ngân hàng ở Việt Nam, đa số diễn ra trong tinh thần hợp tác, hai bên cùng đạt được những thỏa thuận nhất định, các ngân hàng không trở thành đơn vị trực thuộc và cũng không thành lập pháp nhân mới, mà thường cam kết hỗ trợ để cùng phát triển. Có thể ví dụ như HSBC hỗ trợ kỹ thuật Techcombank, hay trường hợp Deutsche Bank cam kết dành kinh phí hỗ trợ kỹ thuật với Habubank trong thông cáo báo chí của các ngân hàng này. Trình độ quản lý Việt Nam cũng chưa thể đáp ứng được mức độ hợp tác cao mà các vụ sáp nhập đòi hỏi. Do đó thực chất các thương vụ M&A chỉ nghiêng về đầu tư tài chính, liên kết kinh doanh. Ngoài ra, trong lĩnh vực ngân hàng, doanh nghiệp nước ngoài bị quy định hạn chế

mua cổ phần không quá 30% trong các thương vụ mua bán cổ phần với ngân hàng Việt Nam nên việc mua lại hoàn toàn là không thể.

- Khung pháp lý cho hoạt động M&A nói chung và M&A trong lĩnh vực ngân hàng còn rải rác ở các luật, văn bản pháp luật khác nhau, những quy định một cách chung chung, chưa có hệ thống chi tiết. Điều này không những làm cho các bên tham gia hoạt động M&A gặp khó khăn trong việc thực hiện mà còn làm cho các cơ quan quản lý khó kiểm soát các hoạt động M&A. Ví dụ Quyết định 36/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 11/3/2003 trước đây quy định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 30%, trong khi Nghị định 139/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/9/2007 hướng dẫn luật doanh nghiệp không hạn chế việc mua (điều 10), thì luật Chứng khoán năm 2006 lại giới hạn 49% (T.B.Anh, 2009). Thêm vào đó Thông tư số 04/NHNN ban hành ngày 11 tháng 02 năm 2010, quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng còn chưa chuẩn xác. Ví dụ, thực chất sáp nhập hay hợp nhất về bản chất là như nhau nhưng tại thông tư lại tách thành hai loại hình và định nghĩa giống hệt nhau.

- Vấn đề định giá ngân hàng luôn luôn là vấn đề phức tạp đối với cả các nhà đầu tư và doanh nghiệp khi đàm phán. Thị trường M&A Việt Nam hiện sử dụng ba phương pháp định giá chính: định



giá theo giá trị tài sản thực, định giá theo dòng tiền chiết khấu và định giá theo giá thị trường. Với kiến thức về M&A còn khá sơ sài của các doanh nghiệp trong nước, định giá theo phương pháp nào cũng có những khó khăn nhất định. Nếu định giá theo phương pháp giá trị tài sản thực sẽ gây tranh cãi về việc định giá tài sản vô hình như thương hiệu, bản quyền, bí quyết thương mại, danh sách khách hàng. Phương pháp dòng tiền chiết khấu lại dựa vào dự báo dòng tiền tương lai của doanh nghiệp. Song việc tính toán này sẽ rất phụ thuộc vào nhận định cá nhân do dựa trên các giả thiết và dự báo về tỷ lệ tăng trưởng, tỷ lệ chiết khấu. Trong khi đó, phương pháp định giá theo giá thị trường lại rất khó đưa ra giá trị chính xác tuy doanh nghiệp có thể tương đồng về quy mô, ngành, nhưng lại không giống nhau hoàn toàn và đối với thị trường chứng khoán chưa phát triển như ở Việt Nam, giá trị thị trường của cổ phiếu chưa phản ánh đúng giá trị thực cổ phiếu đó. Muốn định giá công ty mục tiêu thì ngân hàng thường phải thuê chuyên gia định giá và phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Ví dụ trường hợp Vietcombank thuê công ty Credit Suisse định giá vào năm 2007 hay trường hợp Vietinbank thuê công ty Morgan Securities vào định giá vào cuối năm 2008 khi bán cổ phần cho các đối tác chiến lược².

- Nguồn nhân lực của Việt Nam vẫn còn chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của thị trường về hoạt động M&A ngân hàng. Khi thiết lập giao dịch mua bán doanh nghiệp, vai trò của chuyên gia tư vấn là rất quan trọng để đảm bảo cho giao dịch đúng giá, đúng pháp luật, bảo vệ được quyền và lợi ích của cả hai bên. Hiện nay có khá nhiều các công ty chứng khoán, tư vấn tài chính, kiểm toán tham gia vào làm trung gian, môi giới cho các bên trong hoạt động M&A. Tuy nhiên do có những hạn chế về hệ thống luật, nhân sự, tính chuyên nghiệp, cơ sở dữ liệu, thông tin, ... nên các đơn vị này chưa thể trở thành trung gian thiết lập một “thị trường” để các bên mua - bán gặp nhau (N.T.Lạng & N.T.Q.Thư, 2008). Thêm vào đó việc thiếu hụt nguồn nhân lực tài chính ngân hàng cấp cao có thể làm giảm bớt những cơ sở mới cũng là một nguyên nhân dẫn tới tình trạng các ngân hàng vẫn còn dè chừng trong ra quyết định M&A. Trong báo cáo năm 2008 của Navigos Group, chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp vẫn ở vị trí thấp, trong đó tới 66.7% hiện đang làm việc chủ yếu mang tính kinh nghiệm và thực hành (Experienced – non managers), số lượng nhân lực ở vị trí quản lý (Manager) chỉ chiếm 17.4%. Ở những vị trí quan trọng, cần đến trình độ chuyên môn cao như giám đốc tài

chính (Director) hay giám đốc điều hành (CEO), những chuyên gia hoạch định chiến lược, phân tích tài chính các CFO thiếu hụt nghiêm trọng (Navigos, 2008).

Xu hướng phát triển M&A ngân hàng Việt Nam

Hoạt động M&A tại Việt Nam vẫn đang và sẽ phát triển tương ứng với trình độ phát triển và điều kiện phát triển của nền kinh tế, cũng như sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhìn về dài hạn, hoạt động M&A tại Việt Nam có nhiều tiềm năng và sẽ phát triển ở mức độ và chất lượng cao hơn nhiều so với những gì đang diễn ra hiện nay. Đối với lĩnh vực ngân hàng, theo lộ trình gia nhập WTO, Chính phủ Việt Nam đã cho phép thành lập chi nhánh, ngân hàng con 100% vốn nước ngoài. Tuy nhiên, để tham gia vào một thị trường vốn khác biệt về văn hóa và những hiểu biết hạn chế về thị trường trong nước và khách hàng thì thông qua M&A các định chế nước ngoài từng bước tham gia vào lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam với tư cách là các cổ đông chiến lược. Với cách thức này, các tổ chức nước ngoài có thể tận dụng được nguồn nhân lực và cơ sở khách hàng. Mặt khác, trước áp lực cạnh tranh từ phía các định chế tài chính nước ngoài cả những đối thủ lớn trong nước, một số các ngân hàng nhỏ lẻ đã tính đến hướng hợp tác, liên kết với các ngân hàng khác để tăng cường thị phần, quy mô và vị thế cạnh tranh của mình. Thêm vào đó, theo quy

²Công bố trên website của Vietcombank và Vietinbank

định của Ngân hàng Nhà nước, đến 2010 các NHTM phải có vốn điều lệ tối thiểu đạt 3000 tỷ đồng tạo sức ép lên các tổ chức tín dụng trong nước thúc đẩy mạnh hoạt động bán cổ phần tăng vốn điều lệ. Mặc dù vậy, con số 3000 tỷ đồng vẫn chưa đủ để đảm bảo năng lực cạnh tranh của các tổ chức này trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, và đặc biệt sau năm 2011 (Mạng M&A Việt Nam, 2009). Vì vậy, có thể nhận định hoạt động M&A trong lĩnh vực tài chính ngân hàng vẫn sẽ rất sôi động, thậm chí có thể nói là rất nóng trong thời gian tới, đặt ra cơ hội cũng như thách thức đối với hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Để có thể tăng cường hiệu quả của hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam, một số giải pháp cần được thực hiện trong thời gian tới:

- Xây dựng, phát triển và hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động M&A nói chung. Trong nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp là động lực để doanh nghiệp vươn lên, phát triển cả chiều sâu và chiều rộng và đương nhiên khi đó sẽ có doanh nghiệp tồn tại, phát triển, sẽ có doanh nghiệp phá sản, bị thôn tính lại. Và điều này tất yếu sẽ hình thành nhu cầu cần mua - bán, đầu tư - sáp nhập, liên doanh - liên kết giữa các doanh nghiệp, ngân hàng để lớn mạnh hơn, phát triển hơn và hỗ trợ cho nhau tốt hơn. Tuy nhiên, mua bán doanh nghiệp không đơn giản như mua bán một

sản phẩm hàng hóa thông thường. Một thương vụ M&A thành công hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nhu cầu, giá cả, giải quyết các vấn đề phát sinh hậu M&A. Trong khi đó, các quy định hiện nay liên quan đến hoạt động M&A mới chỉ dừng lại ở việc xác lập về mặt hình thức của hoạt động M&A, các điều kiện và thủ tục quy định cho việc sáp nhập và mua lại (Thông tư 04/NHNN-2010). Tuy nhiên, các vấn đề về mặt nội dung cần phải được quy định đầy đủ hơn nữa bởi vì hoạt động M&A còn có nhiều nội dung liên quan đến định giá doanh nghiệp, giải quyết các vấn đề tài chính, cổ phần, cổ phiếu, người lao động, thuế, phí... của doanh nghiệp trong và sau quá trình hoạt động M&A.

- Xây dựng kênh và phát triển kênh kiểm soát thông tin cũng như nâng cao tính minh bạch của thông tin trong hoạt động

M&A. Trong hoạt động giao dịch M&A thì giá cả, thị trường, thị phần, quản trị thông tin là rất quan trọng và cần thiết cho cả bên mua, bên bán. Thông tin không được kiểm soát và minh bạch có thể gây thiệt hại cho các bên và làm giảm năng lực thị trường (UNI Europa, 2000). Cũng như những thị trường khác, hoạt động của thị trường M&A cũng mang tính hiệu ứng dây chuyền. Nếu hoạt động M&A lớn diễn ra không thành công hoặc có yếu tố lừa đảo, không trung thực thì hậu quả cho nền kinh tế là rất lớn vì nó có thể ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác.

- Phát triển nguồn nhân lực thị trường M&A. Nhân lực bao giờ cũng là yếu tố cốt lõi, chìa khóa thành công trong mọi hoạt động của doanh nghiệp và của các thị trường tài chính, trong đó thị trường M&A cũng không nằm



ngoài quy luật trên. Thị trường M&A là một thị trường cần sự tham gia, tư vấn của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu về các lĩnh vực khác nhau như luật pháp, tài chính, thương hiệu... Do đó, nhà nước cần có những chương trình đào tạo để có được đội ngũ chuyên gia tốt, những người môi giới, tư vấn cho các bên, đồng thời là người cung cấp thông tin tốt nhất về thị trường. Những điều kiện trên chính là những điều kiện tiên quyết để thị trường M&A doanh nghiệp nói chung và ngân hàng nói riêng để có thể hoạt động tốt và đi vào hoạt động

chuyên nghiệp. Muốn vậy, nền tảng cho một chương trình đào tạo bao giờ cũng gắn liền với việc Nhà nước cần xây dựng quy định rõ ràng cho những bước đi trong quy trình giao dịch M&A. Khi có được một nền tảng như vậy thì việc đào tạo đội ngũ chuyên gia phục vụ cho công tác định giá sẽ dễ dàng hơn khi tác nghiệp ■

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt
 1. Avalue(2009), Báo cáo Tình hình M&A năm 2009 và triển vọng năm 2010, Hội thảo M&A Avalue năm 2009, TP Hồ chí minh
 2. DTL Auditing (2008), Tài liệu hội thảo M&A 2008.
 3. Mạng M&A Việt Nam (2009), Cẩm nang mua bán và sáp nhập doanh nghiệp Việt Nam.
 4. Navigos Group (2009), Báo cáo tình hình thị trường nhân lực Việt Nam 2008.
 5. Nguyễn Thường Lạng & Nguyễn Thị

Quỳnh Thu (2008), Một số vấn đề mua lại, sáp nhập doanh nghiệp và tình hình Việt Nam.
 6. Nguyễn Thanh Phong (2009), Năng lực cạnh tranh của ngân hàng Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, Tạp chí Phát triển kinh tế, 223.
 7. Nguyễn Minh Ngọc (2009), Những kinh nghiệm và vi dụ thực tiễn trong lĩnh vực M&A ngành ngân hàng tại Hoa Kỳ, Tham luận Cục quản lý cạnh tranh http://www.vca.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=2529&lang=vi-VN
 8. Ngân hàng Nhà nước (2010), Thông tư 04/NHNN-2010 Quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng.
 9. PriceWaterhouseCoopers (2010, 2009), Báo cáo Nhìn lại hoạt động M&A tại Việt Nam năm 2009, 2008.
 10. Trịnh Quốc Trung (2009), Tham luận Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động M&A tại Việt Nam.
 11. Trần Ái Phương (2008), Giải pháp thúc đẩy hoạt động mua lại và sáp nhập ngân hàng theo hướng hình thành tập đoàn tài chính tại Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
 12. Thái Bảo Anh (2009), Tham luận Khung pháp lý liên quan đến hoạt động M&A tại Việt Nam
 Tiếng Anh
 13. MergerMarket (2009), Monthly report in global M&A activities.
 14. UNI Europa – Finance (2000), The impacts of M&A in Banking and Insurance sector Research research.

(tiếp theo trang 8)

Thị trường chứng khoán Việt Nam 10 năm hình thành và phát triển

khoán trọng yếu như giao dịch ký quỹ, giao dịch bán khống có quản lý (cơ chế vay, cho vay chứng khoán), các quy định hướng dẫn tổ chức thực hiện và giao dịch chứng khoán phái sinh như quyền chọn, hợp đồng tương lai...

TTCK Việt Nam trải qua một chặng đường 10 năm, với thời gian chưa dài, song sự ra đời đó đã và đang đóng góp rất lớn vào việc hoàn

thiện thể chế tài chính nước nhà và góp phần lớn vào quá trình hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, phát triển TTCK cả về quy mô và chất lượng hoạt động nhằm tạo ra kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển là việc làm cần thiết, đòi hỏi phải có sự đồng lòng của tất cả ban ngành và xã hội. Để TTCK phát triển bền vững trước hết cần phải khắc phục những tồn tại và

thực hiện đồng loạt các biện pháp, trong đó chú trọng tới việc duy trì trật tự, an toàn, mở rộng phạm vi, tăng cường hiệu quả quản lý, giám sát thị trường nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường; từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập thị trường tài chính quốc tế ■

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2010.
 2. TS. Đoàn Thanh Hà - TS. Lê Thị Tuyết Hoa, Bàn về hoạt động tư vấn doanh nghiệp của các CTCK Việt Nam hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, tháng 5/2010
 3. Xây dựng “Đề án chiến lược phát triển TTCK giai đoạn 2010-2020”, Báo Thanh niên 26/7/2009.
 3. Hùng Anh, Chiến lược mới cho thị trường chứng khoán, Báo An ninh Thủ Đô
 4. UBCKNN, Vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam tăng 3 lần.
 5. Thị trường chứng khoán: Những năm tháng gieo hạt và ương mầm, Báo Đầu Tư 17/02/2010.

